

Số: 136/CV-VTS/2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 05/2025**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 05/2025 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	BDB			BDB
3	BSC			BSC
4	BST			BST
5	BVS			BVS
6	CAP			CAP
7	CPC			CPC
8	CTB			CTB
9	D11			D11
10	DAD			DAD
11	DAE			DAE
12	DHP			DHP
13	DHT			DHT
14	DNC			DNC
15	DNP			DNP
16	DTD			DTD
17	DXP			DXP
18	GMX			GMX

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
19	HAD			HAD
20	HBS			HBS
21	HCC			HCC
22	HJS			HJS
23	HLC			HLC
24	HTC			HTC
25	HUT			HUT
26	IDV			IDV
27	INC			INC
28	INN			INN
29	KST			KST
30	LHC			LHC
31	LIG			LIG
32	MBS			MBS
33	MCC			MCC
34	MCF			MCF
35	MDC			MDC
36	NAG			NAG
37	NET			NET
38	NFC			NFC
39	NTP			NTP
40	PBP			PBP
41	PCE			PCE
42	PMC			PMC
43	PMS			PMS
44	POT			POT
45	PPP			PPP
46	PSC			PSC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
47	PSD			PSD
48	PSE			PSE
49	PSW			PSW
50	PTS			PTS
51	PVC			PVC
52	PVI			PVI
53	PVS			PVS
54	RCL			RCL
55	S55			S55
56	S99			S99
57	SAF			SAF
58	SD5			SD5
59	SD9			SD9
60	SDC			SDC
61	SDN			SDN
62	SGC			SGC
63	SHN			SHN
64	SJ1			SJ1
65	SLS			SLS
66	SMN			SMN
67	STC			STC
68	TA9			TA9
69	THD			THD
70	THS			THS
71	THT			THT
72	TNG			TNG
73	TTC			TTC
74	TV4			TV4

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	TVD			TVD
76	VBC			VBC
77	VC3			VC3
78	VC6			VC6
79	VC7			VC7
80	VCC			VCC
81	VCS			VCS
82	VGS			VGS
83	VNC			VNC
84	VNR			VNR
85	WCS			WCS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACL			ACL
5	AGG			AGG
6	ANV			ANV
7	ASM			ASM
8	BAF			BAF
9	BBC			BBC
10	BFC			BFC
11	BIC			BIC
12	BID			BID
13	BMC			BMC
14	BMI			BMI
15	BMP			BMP
16	BRC			BRC
17	BSI			BSI
18	BTP			BTP
19	BTT			BTT
20	BVH			BVH
21	BWE			BWE
22	CCI			CCI
23	CCL			CCL
24	CDC			CDC
25	CII			CII
26	CLC			CLC
27	CLW			CLW
28	CMG			CMG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
29	CMV			CMV
30	CNG			CNG
31	COM			COM
32	CRC			CRC
33	CSM			CSM
34	CSV			CSV
35	CTD			CTD
36	CTF			CTF
37	CTG			CTG
38	CTS			CTS
39	CVT			CVT
40	DBC			DBC
41	DBD			DBD
42	DBT			DBT
43	DCL			DCL
44	DCM			DCM
45	DGC			DGC
46	DGW			DGW
47	DHA			DHA
48	DHC			DHC
49	DHG			DHG
50	DIG			DIG
51	DPG			DPG
52	DPM			DPM
53	DPR			DPR
54	DRC			DRC
55	DSN			DSN
56	DTT			DTT
57	DVP			DVP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
58	DXG			DXG
59	EIB			EIB
60	ELC			ELC
61	FMC			FMC
62	FPT			FPT
63	FTS			FTS
64	GAS			GAS
65	GDT			GDT
66	GEG			GEG
67	GEX			GEX
68	GMD			GMD
69	GSP			GSP
70	GTA			GTA
71	GVR			GVR
72	HAH			HAH
73	HAP			HAP
74	HAX			HAX
75	HCM			HCM
76	HDB			HDB
77	HDC			HDC
78	HDG			HDG
79	HHS			HHS
80	HHV			HHV
81	HPG			HPG
82	HSG			HSG
83	HQC			HQC
84	HRC			HRC
85	HSL			HSL
86	HTI			HTI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
87	HTL			HTL
88	HTN			HTN
89	HTV			HTV
90	HUB			HUB
91	HVH			HVH
92	IDI			IDI
93	IJC			IJC
94	ILB			ILB
95	IMP			IMP
96	ITC			ITC
97	KBC			KBC
98	KDC			KDC
99	KDH			KDH
100	KSB			KSB
101	L10			L10
102	LBM			LBM
103	LCG			LCG
104	LGC			LGC
105	LIX			LIX
106	LSS			LSS
107	MBB			MBB
108	MSN			MSN
109	MWG			MWG
110	NAF			NAF
111	NBB			NBB
112	NCT			NCT
113	NHA			NHA
114	NHH			NHH
115	NLG			NLG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
116	NNC			NNC
117	NSC			NSC
118	NTL			NTL
119	OPC			OPC
120	PAC			PAC
121	PAN			PAN
122	PC1			PC1
123	PDN			PDN
124	PDR			PDR
125	PET			PET
126	PGC			PGC
127	PGD			PGD
128	PGI			PGI
129	PHR			PHR
130	PJT			PJT
131	PLX			PLX
132	PNJ			PNJ
133	POW			POW
134	PVD			PVD
135	PVT			PVT
136	REE			REE
137	SAB			SAB
138	SAM			SAM
139	SBA			SBA
140	SBT			SBT
141	SCR			SCR
142	SFG			SFG
143	SFI			SFI
144	SGN			SGN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
145	SHA			SHA
146	SHB			SHB
147	SHI			SHI
148	SHP			SHP
149	SJS			SJS
150	SMB			SMB
151	SRC			SRC
152	SSC			SSC
153	SSI			SSI
154	ST8			ST8
155	STB			STB
156	SVC			SVC
157	SVI			SVI
158	SVT			SVT
159	SZC			SZC
160	SZL			SZL
161	TBC			TBC
162	TCB			TCB
163	TCH			TCH
164	TCL			TCL
165	TCM			TCM
166	TCO			TCO
167	TCT			TCT
168	TDM			TDM
169	THG			THG
170	TIP			TIP
171	TIK			TIK
172	TLG			TLG
173	TMP			TMP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
174	TMS			TMS
175	TN1			TN1
176	TNC			TNC
177	TPB			TPB
178	TRA			TRA
179	TRC			TRC
180	TV2			TV2
181	TVS			TVS
182	TVT			TVT
183	UIC			UIC
184	VIB			VIB
185	VCB			VCB
186	VCF			VCF
187	VCG			VCG
188	VCI			VCI
189	VDP			VDP
190	VGC			VGC
191	VHC			VHC
192	VHM			VHM
193	VIX			VIX
194	VND			VND
195	VNG			VNG
196	VNM			VNM
197	VPB			VPB
198	VPD			VPD
199	VPG			VPG
200	VPI			VPI
201	VRC			VRC
202	VRE			VRE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
203	VSC			VSC
204	VSI			VSI
205	VTO			VTO
206	YBM			YBM
207	YEG			YEG

Đường link đăng tải thông tin nói trên tại website của công ty: <http://vts.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)



LÊ HOÀNG QUÂN

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN